

Bản án số: 16/2019/ DS-ST

Ngày: 06/11/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Bá Tiến

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Bích Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thùy Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 07 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐST- DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T; Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Tr, chức vụ: Phó giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ VPBand hội sở (Theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ- HĐQT ngày 02 tháng 03 năm 2018).

Ông Đỗ Thành Tr ủy quyền lại cho ông Lê Ngọc T - Trưởng bộ phận xử lý nợ Miền Trung, ông Nguyễn Anh T1 - chuyên viên xử lý nợ và ông Nguyễn Bá T2 – chuyên viên xử lý nợ. Cùng trú địa chỉ: Tầng 4, số 112 P,quận H, Thành phố Đ (theo giấy ủy quyền 079 ngày 25 tháng 6 năm 2019). Ông T1 có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Minh – sinh năm: 1973 và bà Trần Thị Niềm - sinh năm: 1972. Cùng địa chỉ: K11/9 C, phường M, quận Ng, TP. Đ. Ông M và bà , vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 08/7/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:*

- Trong khoảng thời gian từ ngày 14/8/2015 đến 20/4/2016 Ngân hàng TMCP Việt Nam T có ký kết với ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N hai hợp đồng tín dụng như sau:

Vào ngày 14/8/2015, ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N có ký hợp đồng tín dụng số 4253959 với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt hợp đồng 01) vay số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay tiêu dùng mua sắm nội thất. các kỳ trả nợ lãi và gốc trả vào ngày 14 hàng tháng, lãi suất trong hạn: 11% /năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh đầu tiên ngày 01/01/2016, mức điều chỉnh được xác định bằng lãi suất bán vốn bên ngân hàng cộng biên độ 3%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% nợ trong hạn.

Vào ngày 20/04/2016, ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N có ký hợp đồng tín dụng số 7002037 với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt hợp đồng 02) vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu), thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay xây nhà; các kỳ trả nợ lãi và gốc trả vào ngày 20 hàng tháng, lãi suất trong hạn: 11,5% /năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng /01 lần vào các ngày 01/01; 01/4; 01/7; 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh đầu tiên ngày 01/10/2016, mức điều chỉnh được xác định bằng lãi suất bán vốn bên ngân hàng cộng biên độ 4,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% nợ trong hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay nêu trên là nhà và đất tại thửa số 232, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại tổ 41, phường M, quận Ng ,TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714250, sổ vào sổ cấp GCN H01777 do UBND quận Ng cấp ngày 11/5/2006 mang tên ông M - bà N, tài sản này đã được ký kết tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6692 ngày 13/8/2015 được phòng công chứng số 01 thành phố Đà Nẵng chứng nhận.

-Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền của các hợp đồng và thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T được một phần gốc và lãi. Tuy nhiên đến nay ông M và N đã không trả nợ đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng chúng tôi mặc đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng không được. Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M và bà N phải thanh toán số tiền cụ thể gốc và lãi của các hợp đồng như sau:

Hợp đồng 01: Số tiền nợ gốc còn 91.000.000 đồng và lãi 18.407.120 đồng (trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 14/8/2015 đến 20/02/2018 là 1.896.529 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 21/02/2018 đến ngày 06/11/2019 là 16.510.591 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 109.407.120 đồng.

Hợp đồng 02: Số tiền nợ gốc 33.400.000 đồng và lãi 5.369.769 đồng (trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 20/4/2016 đến 19/10/2017 là 445.355 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 20/10/2017 đến ngày 06/11/2019 là 4.924.414 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 38.769.769 đồng và tiếp tục thanh toán lãi quá hạn của hai hợp đồng theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tổng số tiền nợ của hai hợp đồng là 148.176.889 đồng (trong đó gốc 124.400.000 đồng và lãi là 23.776.889 đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi trong hạn và lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

Đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa số 232, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại tổ 41, phường M, quận Ng, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714250, sổ vào sổ cấp GCN H01777 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 11/5/2006 mang tên ông M - bà N theo qui định pháp luật để thu hồi nợ.

* Bị đơn bà Trần Thị N và ông Nguyễn Quang M vắng mặt, tuy nhiên tại hồ sơ thể hiện ý kiến:

Bà N thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 120.000.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là đúng. Lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức trả nợ vay được thể hiện tại hợp đồng đã ký kết. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản nợ vay nêu trên là nhà và đất tại thửa số 232, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại tổ 41, phường M, quận Ng, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714250, sổ vào sổ cấp GCN H01777 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 11/5/2006 mang tên ông M - bà N.

Quá trình vay ông bà đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T được một phần gốc và lãi. Do làm ăn khó khăn nên đã không trả nợ đúng hạn như cam kết với ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam T kiện đòi chúng tôi số nợ Hợp đồng tín dụng số 4253959 ngày 14/8/2015, trong đó số tiền nợ gốc: 91.000.000đ đồng và lãi tính đến ngày hòa giải 28/9/2019 là 17.173.887 đồng và nợ hợp đồng tín dụng số 7002037 ngày 20/4/2016 số tiền nợ gốc: 34.230.000 đồng và lãi tính đến ngày hòa giải 28/9/2019 là 4.986.858 đồng và tiếp tục thanh toán lãi theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ tôi đồng ý. Nay chúng tôi đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin cho trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng về cơ bản Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền thụ lý vụ án, thời hiệu khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTDS.

- Việc thu thập chứng cứ: Về cơ bản việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng Điều 95 BLTTDS.

- Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho

VKS và người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 170, 171, 177, 178, 203, 205, 210 BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện nguyên tắc xét xử, thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại chương II, chương XIV BLTTDS. Thư ký được phân công đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này theo các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS thì thấy nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định Bộ luật tố tụng dân sự còn bị đơn chưa chấp hành đúng qui định.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 4 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466 và Điều 688; Điều 299 và 303 Bộ luật dân sự 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 01 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019. Án lệ 08/2016/AL ngày 17.10.2016; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

-Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đối ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N.

Tuyên buộc ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T tổng số tiền còn nợ là 148.176.889 đồng, trong đó gốc 124.400.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 2.341.884 đồng và nợ lãi quá hạn 21.435.005 đồng và chịu lãi quá hạn phát sinh đến ngày tất toán.

Trường hợp ông M bà N không thanh toán được nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì nhà đất tại thửa số 232, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại tổ 41, phường M, quận Ng, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714250, sổ vào sổ cấp GCN H01777 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 11/5/2006 mang tên ông M - bà N và phần nhà xây thêm trên trong diện tích đất được cấp, gồm 01 phòng tầng trệt và 02 phòng trên (trong đó có 01 phòng chưa hoàn thiện) được xử lý theo điều 299 và 303 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đối với ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông bà.

[3] Về nội dung vụ án: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/8/2015 đến 20/4/2016 Ngân hàng TMCP Việt Nam T có ký kết với ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N hai hợp đồng tín dụng như sau:

ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N ký kết hợp đồng tín dụng số 4253959 ngày 14/8/2015 với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt hợp đồng 01) vay số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và ký hợp đồng tín dụng số 7002037 ngày 20/04/2016 với Ngân hàng TMCP Việt Nam T (gọi tắt hợp đồng 02) vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu), thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất vay sẽ được các bên thỏa thuận nêu rõ tại hợp đồng.

Tài sản đảm bảo cho hai hợp đồng vay nêu trên là nhà và đất tại thửa số 232, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại tổ 41, phường M, quận Ng, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714250, sổ vào sổ cấp GCN H01777 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 11/5/2006 mang tên ông M - bà N. Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M và bà N phải thanh toán số tiền cụ thể gốc và lãi như sau:

Hợp đồng 01: Số tiền nợ gốc còn 91.000.000 đồng và lãi 18.407.120 đồng (trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 14/8/2015 đến 20/02/2018 là 1.896.529 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 21/02/2018 đến ngày 06/11/2019 là 16.510.591 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 109.407.120 đồng.

Hợp đồng 02: Số tiền nợ gốc còn 33.400.000 đồng và lãi 5.369.769 đồng (trong đó lãi trong hạn tính từ ngày 20/4/2016 đến 19/10/2017 là 445.355 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 20/10/2017 đến ngày 06/11/2019 là 4.924.414 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là 38.769.769 đồng và tiếp tục thanh toán lãi quá hạn của hai hợp đồng theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tổng số tiền nợ của hai hợp đồng yêu cầu trả là 148.176.889 đồng (trong đó gốc 124.400.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 2.341.884 đồng và nợ lãi trong hạn là 2.341.884 đồng và nợ lãi quá hạn 21.435.005 đồng) và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ

Đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất tại thửa số 232, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại tổ 41, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714250, sổ vào sổ cấp GCN

H01777 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 11/5/2006 mang tên ông M - bà N theo qui định pháp luật để thu hồi nợ. Đối với ông M và bà N vắng mặt nhưng ý kiến bà N thể hiện thừa nhận có ký kết các hợp đồng trên với ngân hàng là đúng, tuy nhiên do gặp khó khăn về kinh tế nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hết nợ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Hai hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T đã ký kết đối với ông M và bà Trần Thị N nêu trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M và bà N đã không thực hiện việc trả nợ đúng hạn là vi phạm định kỳ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận ký kết. Và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N thanh toán cụ thể gồm:

Hợp đồng 01: Tín dụng số 4253959 ngày 14/8/2015 tổng số tiền gốc và lãi là 109.407.120 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc: 91.000.000 đồng và lãi 18.407.120 đồng (lãi trong hạn tính từ ngày 14/8/2015 đến 20/02/2018 là 1.896.529 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 21/02/2018 đến ngày 06/11/2019 là 16.510.591 đồng).

Hợp đồng 2: Tín dụng số 7002037 ngày 20/4/2016 tổng số tiền gốc và lãi là 38.769.769 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc: 33.400.000 đồng và lãi 5.369.769 đồng (lãi trong hạn tính từ ngày 20/4/2016 đến 19/10/2017 là 445.355 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 20/10/2017 đến ngày 06/11/2019 là 4.924.414 đồng). Tổng số tiền nợ của hai hợp đồng là **148.176.889** đồng (trong đó gốc **124.400.000** đồng và lãi là **23.776.889** đồng) và tiếp tục thanh toán lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ, là phù hợp với Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và Án lệ 08/2016/AL ngày 17/10/2016 nên cần được chấp nhận; kể từ ngày 07/11/2019 ông M và bà N phải tiếp tục trả lãi và lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

[5] Đối với tài sản thế chấp đảm bảo cho hai hợp đồng vay nêu trên là nhà và đất tại thửa số 232, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại tổ 41, phường M, quận Ng , TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 714250, sổ vào sổ cấp GCN H01777 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 11/5/2006 mang tên ông M - bà N thì thấy, tài sản này đều được thể hiện thỏa thuận tại điều 3 của cả hai hợp đồng mà các bên đã ký kết và đồng thời phù hợp trong khoảng thời gian thế chấp các bên thỏa thuận ký tại điều 2 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/8/2015 tại phòng công chứng số 01 thành phố Đà Nẵng chứng

nhận và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó cần phải căn cứ Điều 355 Bộ luật dân sự 2005 để xử lý tài sản chấp này là phù hợp qui định pháp luật.

[6] Trong quá trình hiện hợp đồng vay ông M bà N có xây thêm phần nhà liền phía trước là 01 phòng tầng trệt và 02 phòng trên (trong đó có 01 phòng chưa hoàn thiện), tài sản xây thêm này trong diện tích đất ông M và bà N được cấp sổ, không tranh chấp nên thuộc để cùng phát mãi tài sản ngân hàng thu hồi nợ cho ngân hàng khi ông M và bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Việt Nam T được chấp nhận nên bị đơn ông M và bà N phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền phải chịu là $(148.176.889 \text{ đồng} \times 5\%) = 7.408.844 \text{ đồng}$ và Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng bị đơn phải chịu và có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Án lệ 08/2016/AL ngày 17/10/2016; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đối NÔNG Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N.

Xử:

1/Tuyên buộc ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T tổng số tiền của hai hợp đồng số 4253959 ngày 14/8/2015 và số 7002037 ngày 20/4/2016 là **148.176.889** đồng (trong đó gốc **124.400.000** đồng và lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 06/11/2019 là **23.776.889** đồng).

Trường hợp ông M và bà N không thanh toán được nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì nhà đất tại thửa số 232, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại tổ 41, phường M, quận Ng, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 714250, sổ vào sổ cấp GCN H01777 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 11/5/2006 mang tên ông M - bà N và phần nhà xây thêm trên trong diện tích đất được cấp, gồm 01 phòng tầng trệt và 02 phòng trên (trong đó có 01 phòng chưa hoàn thiện) được xử lý theo điều 355 Bộ luật dân sự 2005.

Kể từ ngày 07/11/2019 ông M và bà N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất lãi cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2/Án phí dân sự sơ thẩm: 7.408.844 đồng ông Nguyễn Quang M và bà Trần Thị N phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí 3.595.588 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0009633 ngày 15 tháng 7 năm 2019.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng bị đơn phải chịu và có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn số tiền này.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng ông M và bà N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao kết quả phiên tòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Dương sự;
- Viện KSND quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn; ĐN
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Anh